

Bản án số: **19/2021/HS - ST**  
Ngày 02/4/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN  
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn K.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thủy Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Trần Anh Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST - HS ngày 17/03/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Nguyễn Văn N**, sinh năm 1971.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Nguyễn Hữu H, sinh năm 1948; Con bà: Hoàng Thị C, sinh năm 1949 - Đều trú tại xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ. Gia đình có bốn anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Trịnh Thị M, sinh năm 1971, trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ. Có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không

*Nhân thân:* Tại Bản án số 42 ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ xử phạt Nguyễn Văn N 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 20/02/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. *Có mặt.*

**2. Họ và tên: Lê Hồng S**, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1959.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm M, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Lê Hồng M, sinh năm 1930; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1930 (*đều đã mất*). Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Đào Thị M, sinh năm 1977, trú tại: Xóm M, xã P, huyện Đại Từ,

tỉnh Thái Nguyên. Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 20/02/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt.*

**3. Họ và tên: Ninh Quang H**, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố L, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Ninh Văn D, sinh năm 1962; Con bà: Bùi Thị N, sinh năm 1966 - Đều trú tại xóm 3, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có bốn anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Bùi Thị Ngân, sinh năm 1990, trú tại: TDP L, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Có 03 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 20/02/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt.*

**4. Họ và tên: Phạm Văn C**, sinh ngày 09 tháng 11 năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Phạm Văn S, sinh năm 1961; Con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1965 - Đều trú tại xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 20/02/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt.*

**5. Họ và tên: Nguyễn Văn T**, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1963; Con bà: Phạm Thị T, sinh năm 1970 - Đều trú tại xóm L, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 20/02/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt.*

**6. Họ và tên: Nguyễn Văn C1**, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm N, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Nguyễn Văn S, đã chết; Con bà: Trần Thị T, sinh năm 1956 - Trú tại xóm N, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có tám anh chị em, bị cáo là con thứ sáu. Vợ: Vũ Thị L, sinh

năm 1992, trú tại xóm N, xã Y, huyện Đại Từ. Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 20/02/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt.*

**7. Họ và tên: Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1970; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 - Đều trú tại xóm L, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 20/02/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt.*

**8. Họ và tên: Hoàng Trung K**, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm G, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Hoàng Mậu T, sinh năm 1958; Con bà: Trần Thị T, sinh năm 1957 - Đều trú tại xóm G, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có ba anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1989, trú tại xóm G, xã T, huyện Đại Từ. Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 20/02/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt.*

**9. Họ và tên: Nguyễn Hữu T2** (Tên gọi khác: Nguyễn Hữu B), sinh ngày 29 tháng 10 năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Nguyễn Hữu Hải, sinh năm 1948; Con bà: Hoàng Thị Cui, sinh năm 1949 - Đều trú tại xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có bốn anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Hoàng Thị Ly, sinh năm 1983, trú tại xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ. Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 20/02/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Có mặt.*

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** anh Ninh Văn L3, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm G, xã T, huyện Đại Từ, Thái Nguyên. *Có mặt.*

\* **Người chứng kiến:** bà Đinh Thị C, sinh năm 1983. Trú tại: Xóm G, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. *Vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 18/02/2021 Tổ công tác Công an huyện Đại Từ phối hợp với Công an xã Tiên Hội, huyện Đại Từ T hành tuần tra kiểm soát trên địa bàn Xóm G, xã T phát hiện tại nhà anh Ninh Văn L3, sinh năm 1985, có 09 người gồm: Nguyễn Văn N, Lê Hồng S, Ninh Quang H, Phạm Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Trung K, Nguyễn HữuT2đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền: Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.730.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chăn lông màu nâu.

Thu giữ trên người của Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, 01 điện thoại di động Samsung màu đen; Nguyễn Văn T1 1.520.000 đồng, 01 điện thoại di động IPHONE 6S; Nguyễn HữuT2500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung; Phạm Văn C 1.400.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Lê Hồng S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung M20 của Nguyễn Văn C1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh dương của N Văn H

Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và đưa các đối tượng về Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Đại Từ để làm việc.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn N, Lê Hồng S, Ninh Quang H, Phạm Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Trung K, Nguyễn HữuT2khai nhận: N, S, H C, T, C1, T1,T2hiện đang là Công nhân làm thuê cho anh Ninh Văn L3. Buổi sáng ngày 18/02/2021 các bị can đến nhà anh L3 liên hoan để chuẩn bị đi làm. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm xong N, S, H C, T, C1, T1,T2cùng rủ nhau đi lên T1g 2 nhà anh L3 để đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền. Nguyễn HữuT2là người đi mua bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài và lấy chiếc chăn có sẵn trong nhà anh L3 trải xuống nền nhà để đánh bạc. Các bị can đánh bạc đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì Hoàng Trung K đến và tham gia đánh bạc cùng. Các bị can đánh bạc đến khoảng 14 giờ 40 thì bị Tổ công tác Công an huyện Đại Từ và Công an xã Tiên Hội phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Về hình thức đánh bạc: Một người trong nhóm chia cho mỗi người 03 quân bài, sau đó mỗi người chơi góp 10.000đ (*mười nghìn đồng*) gọi là “gà” rồi những người chơi kiểm tra 03 quân bài được chia và quy ước theo thứ tự: 03 quân bài giống nhau gọi là “sáp”, 03 quân bài liên tiếp nhau gọi là “liêng”, 03 quân bài có hình gọi là “ảnh”, nếu không ai có “sáp”, “liêng”, “ảnh” thì cộng 03 quân bài lại tính điểm, cao nhất là 09 điểm (các quân bài từ 10 đến K quy ước mỗi quân là 0 điểm). Sau khi xem xong bài người chơi có thể “tố” thêm tiền (đặt thêm tiền cược) nhưng không quá 50.000đ, nếu không có ai “tố” thêm thì người chơi đọ bài, ai có bài lớn nhất (theo thứ tự nêu trên) thì được ăn tiền “gà” và tiền “tố” thêm.

Khi đánh bạc Nguyễn HữuT2có 820.000 đồng,T2sử dụng 320.000 đồng để đánh bạc, Lê Hồng S có 500.000 đồng, Nguyễn Văn C1 có 380.000 đồng, N Văn

Hcó 460.000 đồng, Nguyễn Văn N có 830.000 đồng, Hoàng Trung K có 530.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Nguyễn Văn T1 có 2.520.000 đồng, T1 sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, Phạm Văn C có 2.800.000 đồng, C sử dụng 1.400.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Văn T có 5.280.000 đồng, T sử dụng 280.000 đồng để đánh bạc.

Tuy 09 đối tượng khai: Tổng số tiền các đối tượng đánh bạc là 5.700.000 đồng nhưng tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc khi bắt quả tang là 5.730.000 đồng nên buộc các đối tượng phải chịu trách nhiệm về tổng số tiền để đánh bạc là 5.730.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc thu trên chiếu bạc là 5.730.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*). Số tiền các đối tượng không dùng để đánh bạc (thu giữ trên người của Nguyễn Văn T1, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T) là 8.420.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi Đánh bạc của mình như nêu trên, lời khai của các bị can phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ.

Vật chứng của vụ án: 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chăn lông màu nâu, 01 hộp cattong (bên trong có 08 điện thoại di động các loại), số tiền 14.150.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hiện đang được bảo quản lưu giữ tại kho vật chứng và tài khoản của Chi cục T2 hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

*Tại quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 20/QĐ - VKSĐT ngày 16/03/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Hồng S, Ninh Quang H, Phạm Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Trung K, Nguyễn Hữu T2 phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.*

*Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Đại Từ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i,s (+ điểm v đối với bị cáo S) khoản 1 Điều 51 và Điều 65 BLHS; xử phạt các bị cáo Lê Hồng S, Ninh Quang H, Phạm Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Trung K, Nguyễn Hữu T2, mỗi bị cáo mức án tù từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng. Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án tù từ 09 đến 12 tháng tù, phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.*

*Tại phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Đều nói lời sau cùng: xin được hưởng mức án thấp nhất.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và quyết định đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến; biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 18/02/2021 Tổ công tác Công an huyện Đại Từ phối hợp với Công an xã Tiên Hội, huyện Đại Từ phát hiện và bắt quả tang tại T1g 2 nhà anh Ninh Văn L3, có 09 đối tượng gồm: Nguyễn Văn N, Lê Hồng S, Ninh Quang H, Phạm Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Trung K, Nguyễn Hữu T2 đang đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền: Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.730.000 đồng; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân; 01 chiếc chăn lông màu nâu.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

#### **Nội dung điều luật quy định:**

Điều 321 Bộ luật hình sự.

*“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

{3}. Xét tính chất hành vi và vai trò phạm tội của các bị cáo:

Tính chất hành vi đánh bạc của các bị cáo thuộc trường hợp ít nguyên trọng. Các bị cáo đều có vai trò đồng phạm là người thực hiện hành vi *Đánh bạc*.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Hồng S, Ninh Quang H, Phạm Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Trung K, Nguyễn Hữu T2 đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* và *"Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"* quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Ngoài ra bị cáo Lê Hồng S đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và được tặng thưởng nhiều thành tích trong chiến đấu nên có thể xem xét cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn N được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

{5}. Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: các bị cáo đều được sinh ra và lớn lên trong gia đình lao động thuần túy, được nuôi ăn học, có đủ nhận thức về các việc làm đúng sai của bản thân; cơ bản các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều chưa có tiền án, tiền sự hoặc bị xử phạt về hành vi vi phạm pháp luật (trừ bị cáo Nguyễn Văn N đã bị xét xử về tội cố ý đến nay đã được xóa án tích). Tuy nhiên, do ham chơi và coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

{6}. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy, mặc dù cơ bản các bị cáo đều là những người lao động bình thường, có nhân thân tốt, đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Trừ bị cáo Nguyễn Văn N), số lượng tiền tham gia đánh bạc không lớn, đủ định lượng cấu thành tội phạm, đều có động cơ, mục đích phạm tội là người thực hiện với vai trò đồng phạm giản đơn như nhau. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự về an toàn, an N xã hội tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nhất là trong dịp nghỉ tết nguyên đán. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, cần cân nhắc, xem xét một cách khách quan, toàn diện *như* tính tích cực, số lượng tiền tham gia đánh bạc ... của từng bị cáo để có mức hình phạt cho phù hợp, vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật vừa đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy, cần phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định theo quy định của pháp luật để sung công quỹ nhà nước.

{7}. Về vật chứng vụ án:

01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chăn lông màu nâu là công cụ phương tiện phạm tội và là tài sản của người có QLNVLQ nhưng chiếc chăn trên không còn giá trị sử dụng và anh Ninh Văn L3 không có yêu cầu được nhận lại nên cần được tịch thu tiêu hủy; 08 chiếc điện thoại di động các loại thu giữ trên người một số bị cáo, xác định không liên quan đến vụ án, cần được trả lại cho chủ sở hữu; số tiền 14.150.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó có 5.730.000đ thu giữ bắt quả tang do các bị cáo sử dụng để đánh bạc cần được tịch thu sung quỹ Nhà nước, số tiền còn lại thu giữ trên người một số bị cáo, xác định không liên quan đến vụ án, cần được trả lại cho chủ sở hữu. Vật và tiền không liên quan đến vụ án tuy được trả lại cho chủ sở hữu nhưng đều được tạm giữ để đảm bảo T2 hành án.

{8}. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

{9}. Các nội dung có liên quan khác: Trong vụ án này anh Ninh Văn L3 là chủ nhà nơi các bị cáo sử dụng để đánh bạc nhưng anh L3 không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ không xem xét xử lý đối với anh L3.

*Vì các lẽ nêu trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

**Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Hồng S, Ninh Quang H, Phạm Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Trung K, Nguyễn Hữu T2 phạm tội “*Đánh bạc*”;

**Áp dụng:** khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS;

**Xử phạt:** bị cáo **Nguyễn Văn N** 10 (mười) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 20/02/2021, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt.

**Áp dụng:** khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (+ khoản 2 đối với bị cáo S) Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt:**

- Các bị cáo **Nguyễn Hữu T2, Phạm Văn C và Nguyễn Văn T1**, mỗi bị cáo 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Các bị cáo **Ninh Quang H, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T**, mỗi bị cáo 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Các bị cáo **Lê Hồng S và Hoàng Trung K**, mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho UBND xã nơi các bị cáo có hộ khẩu thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về T2 hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật T2 hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

\* **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS. **Phạt** các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Hồng S, Ninh Quang H, Phạm Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Trung K, Nguyễn Hữu T2, **mỗi** bị cáo 10.000.000đ (mười) triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

\* **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

+ Tịch thu sung công quỹ số tiền: 5.730.000đ;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chăn lông màu nâu;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, 01 điện thoại di động Samsung màu đen; Nguyễn Văn T1 1.520.000 đồng, 01 điện thoại di động IPHONE 6S; Nguyễn Hữu T2 500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung; Phạm Văn C 1.400.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9; Lê Hồng S 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; Nguyễn Văn C1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung M20; N Văn H01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh dương, nhưng đều được tạm giữ để đảm bảo T2 hành án.

(*Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ - VKSDT ngày 16/3/2021 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cùng các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo*).

\* **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Hồng S, Ninh Quang H, Phạm Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1, Hoàng Trung K, Nguyễn



Hữu T2, *mỗi* bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo và người có QLNVLQ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an, VKSND huyện Đại Từ;
- T2 hành án HS, DS;
- Các bị cáo, Người có QLNVLQ;
- UBND xã H, P,  
Y, Tiên Hội, TT H;
- Lưu VT;

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn K**